

The background of the slide features a faded, grayscale image of a person walking up a modern staircase with a glass railing. The person is positioned on the right side of the frame, moving towards the upper right. The overall aesthetic is professional and clean.

## Chương 3:

# KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO



# MỤC TIÊU

- ❖ Hiểu và xác định đúng đối tượng HTK
- ❖ Trình bày thông tin về HTK trên BCTC
- ❖ Tính giá để ghi nhận HTK
- ❖ Kế toán HTK qua các khâu dự trữ, sản xuất và lưu thông
- ❖ Lập dự phòng giảm giá HTK



# NỘI DUNG

- ❖ Những vấn đề chung
- ❖ Tính giá hàng tồn kho.
- ❖ Kế toán NVL và CCDC.
- ❖ Kế toán sản phẩm đang chế tạo và thành phẩm ở các DN sản xuất.
- ❖ Kế toán hàng hóa.
- ❖ Kế toán dự phòng giảm giá HTK.



# A- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

## Hàng tồn kho

VAS 02

Là những tài sản:

- Được **giữ để bán** trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường;
- Đang **trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang**;
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ để **sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh, hoặc cung cấp dịch vụ**.



**Hàng  
Tồn kho**

```
graph TD; A[Hàng Tồn kho] --> B[Giữ để bán]; A --> C[Đang dở dang]; A --> D[Phục vụ SXKD];
```

**Giữ  
để bán**

**Đang  
dở dang**

**Phục vụ  
SXKD**



**Phân loại đối tượng kế toán vào nhóm đối tượng liên quan**

Đối tượng	Tiền	Phải thu	HTK	Khác
Tiền gửi không kỳ hạn				
Ứng trước người bán				
Quần áo (DN kinh doanh)				
Nhà xưởng				
Vải (DN may mặc)				
Tiền ký quỹ trong ngân hàng				
Bàn, ghế				
Văn phòng phẩm				
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng				



**Phân loại đối tượng kế toán vào nhóm đối tượng liên quan**

Đối tượng	Tiền	Phải thu	HTK	Khác
Phải thu khách hàng				
Máy móc, thiết bị				
Vàng, bạc, Đá quý				
Sản phẩm dở dang				
Phải thu khác				
Máy tính				
Tiền mặt				

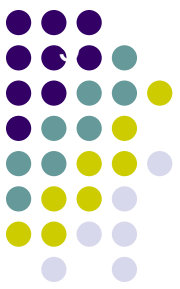


## Đặc điểm:

- ❖ HTK gắn liền với hoạt động kinh doanh chủ yếu của đơn vị → Tài sản ngắn hạn quan trọng
- ❖ HTK đa dạng, phong phú về chủng loại, tồn tại dưới nhiều hình thái và địa điểm khác nhau với mục đích khác nhau.
- ❖ Liên quan trực tiếp đến Giá vốn hàng bán và Lợi nhuận.



# Hệ thống PP quản lý và kế toán HTK



## Phương pháp kế toán HTK

PP Kế khai  
thường xuyên

Theo dõi và phản ánh  
thường xuyên, liên tục  
t/hình NHẬP, XUẤT,  
TỒN HTK trên sổ KT

PP Kiểm kê  
định kỳ

KKê thực tế  
=> Gtrị HTK TỒN  
=> Gtrị HTK xuất



Phương pháp kê khai thường xuyên:

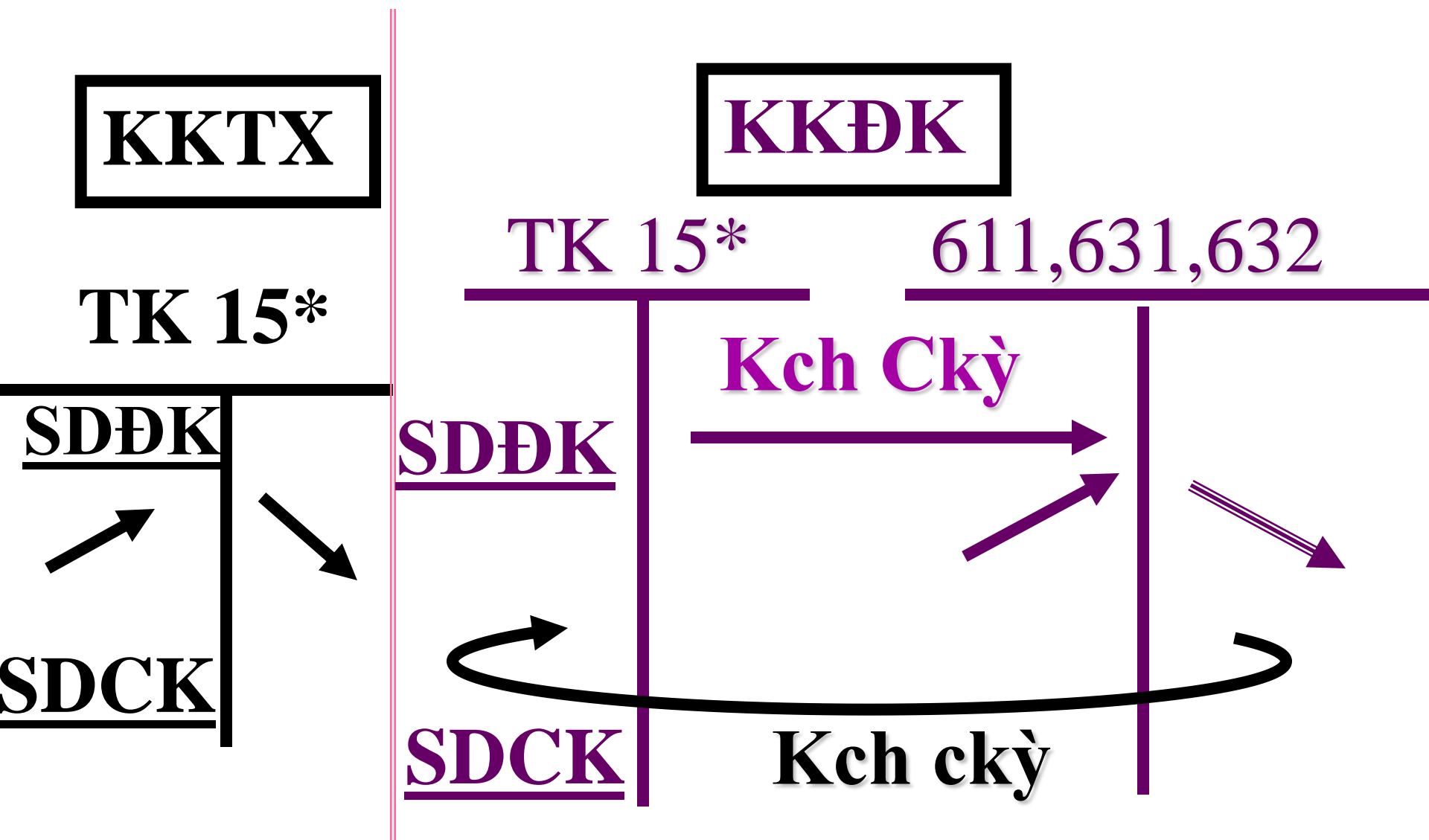
$$\text{Tồn Cuối} = \text{Tồn Đầu} + \text{Nhập} - \text{xuất}$$

Phương pháp kiểm kê định kỳ:

$$\text{Xuất} = \text{Tồn đầu} + \text{Nhập} - \text{Tồn cuối}$$



# ▪ Hệ thống PP Kế toán & quản lý HTK





# TÍNH GIÁ HÀNG TỒN KHO

- ❖ Nguyên tắc kế toán chi phối.
- ❖ Quy định về ghi nhận HTK.
- ❖ PP kế toán HTK
- ❖ Nguyên tắc xác định giá trị
- ❖ PP tính giá trị HTK

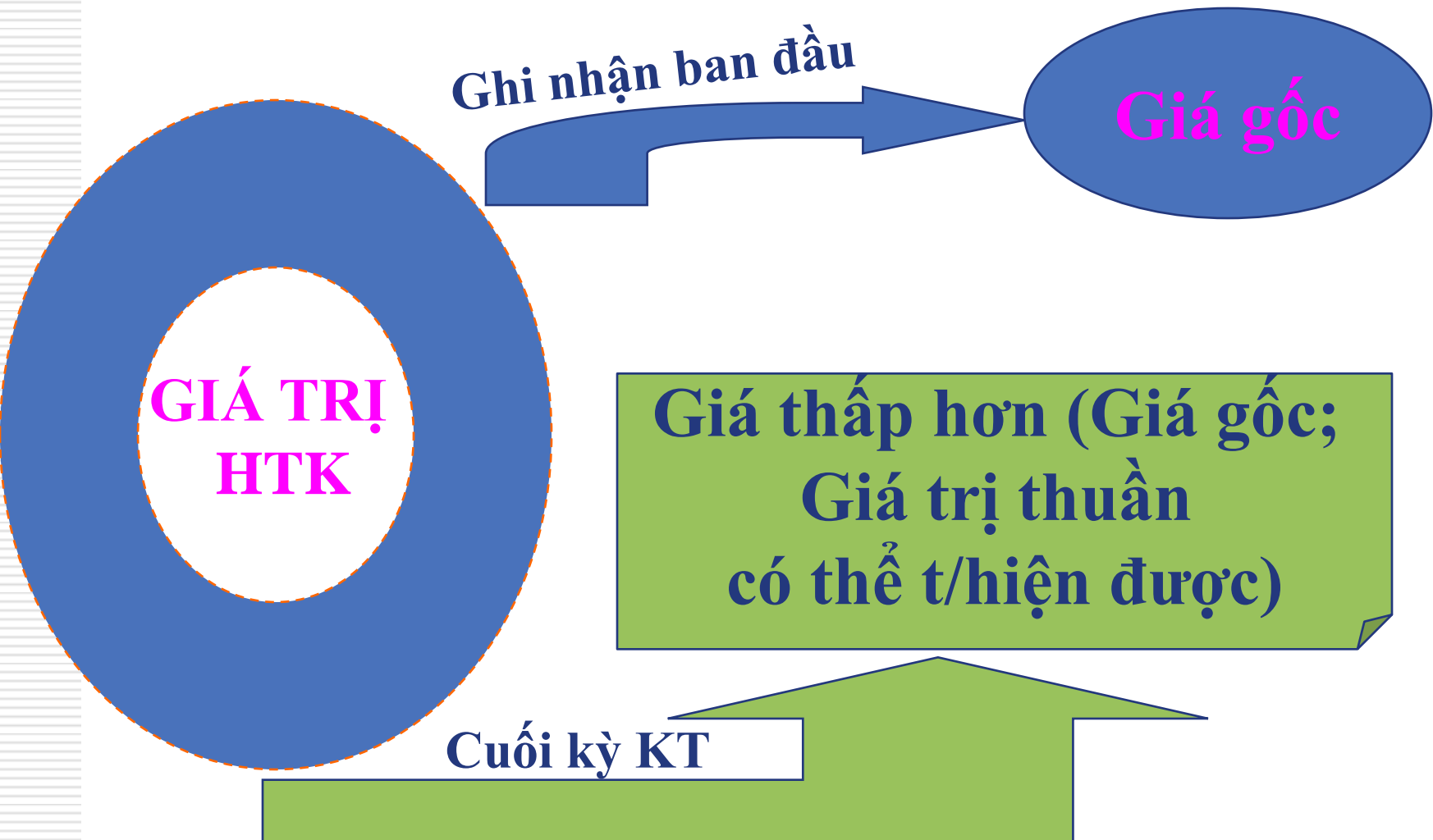


## Nguyên tắc kế toán:

- ❖ Nguyên tắc Giá gốc
  - ❖ Nguyên tắc thận trọng
  - ❖ Nguyên tắc nhất quán
-



# Nguyên tắc xác định giá trị HTK





## Giá gốc ???

Theo VAS 01:

**Giá gốc của tài sản** được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của TS đó vào thời điểm TS được ghi nhận.



$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị} & & \text{Giá bán ước} & & \text{CP ước} & & \text{CP ước} \\ \text{thuần} & & \text{tính của} & & \text{tính để} & & \text{tính cần} \\ \text{có thể} & & \text{hàng tồn} & & \text{hoàn} & & \text{thiết cho} \\ \text{thực} & = & \text{kho trong} & - & \text{thành sản} & - & \text{việc tiêu} \\ \text{hiện} & & \text{kỳ SXKD} & & \text{phẩm} & & \text{thụ} \\ \text{được} & & \text{bình thường} & & & & \end{array}$$



**Giá gốc**

```
graph TD; A[Giá gốc] --> B[CP mua]; A --> C[CP chế biến Liên quan]; B --> D[Giá mua]; B --> E[Thuế không hoàn lại]; B --> F["CP v/c, Bảo quản, Kiểm dịch, Bảo hiểm..."]
```

**CP  
mua**

**CP  
chế biến**

**CP  
Liên quan**

**Giá  
mua**

**Thuế  
không  
hoàn lại**

**CP v/c,  
Bảo quản,  
Kiểm dịch,  
Bảo hiểm...**



## PP tính giá trị Hàng tồn kho (Giá xuất kho)

**Lựa chọn một trong các phương pháp sau:**

- ❖ PP tính giá thực tế đích danh.
- ❖ PP nhập trước \_ xuất trước (NT\_XT).
- ❖ PP nhập sau \_ xuất trước (NS\_XT).
- ❖ PP bình quân gia quyền.



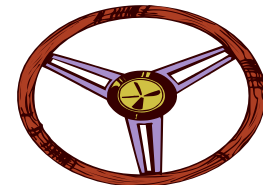
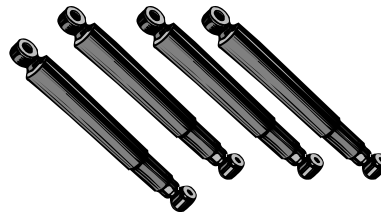
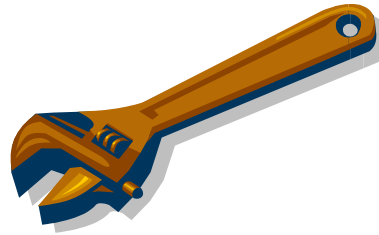
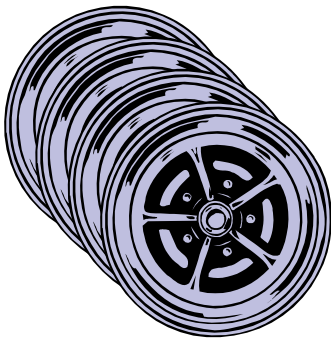
**Ví dụ:** Tại DN X, trong tháng 9/2007 có tình hình nhập xuất VL A như sau:

Ngày	TỜ, NHẬP			Xuất VL A trong tháng 9					
	SL	ĐG	Thành tiền	SL	Giá thực tế VL A xuất, tồn cuối kỳ theo từng PP				
					Đích danh	BQGQL H	BQGQC K	FIFO	LIFO
1	200	10	2000						
3	150	12	1800						
10				300	?	?	?	?	?
12	250	12.5	3125						
20				100	?	?	?	?	?
25	300	11	3300						
Cộng	?		?	?	?	?	?	?	?
30	Tồn kho cuối kỳ theo các PP				?	?	?	?	?



# Kế toán khâu dự trữ sản xuất:

- ❖ Kế toán nguyên liệu \_ vật liệu
- ❖ Kế toán công cụ \_ dụng cụ





## Vật liệu:

- Là đối tượng lao động được sử dụng kết hợp với tư liệu lao động dưới tác động của sức lao động để tạo ra sản phẩm

## Công cụ dụng cụ:

- Là những tư liệu lao động không có đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với TSCĐ.



## TH mua hàng nhập kho bình thường:

112, 141, 331...

152, 153

Giá mua chưa VAT

CP thu mua

VAT đầu vào

133



**Mua chịu VL X theo HĐ số ...: giá mua chưa thuế 90  
trđ, VAT 10%, nhập kho đủ theo PNK số ...**

## **PHIẾU NHẬP KHO**

Số ...

S T T	Tên...	MS	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo ctừ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	VL X					90	90
	<b>Cộng</b>						90



**PNK**

Trị giá thực nhập: **90**

**Hóa đơn**

Giá mua: **90**

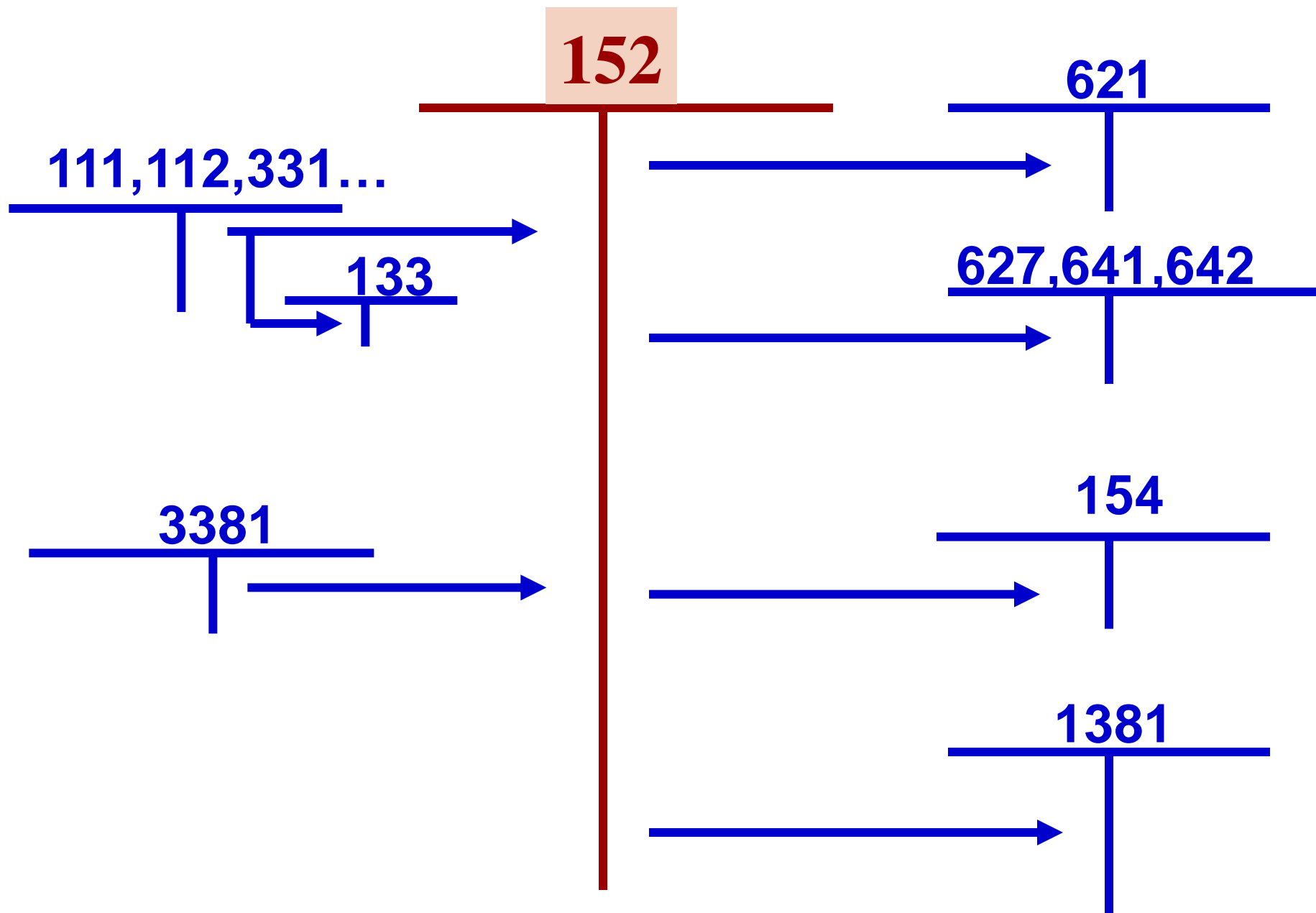
Thuế: **9**

Giá thanh toán: **99**

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	SPS	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Mua VL nhập kho			
		TK NVL	152		
		Thuế đầu vào	133		
		Phải trả người bán	331		





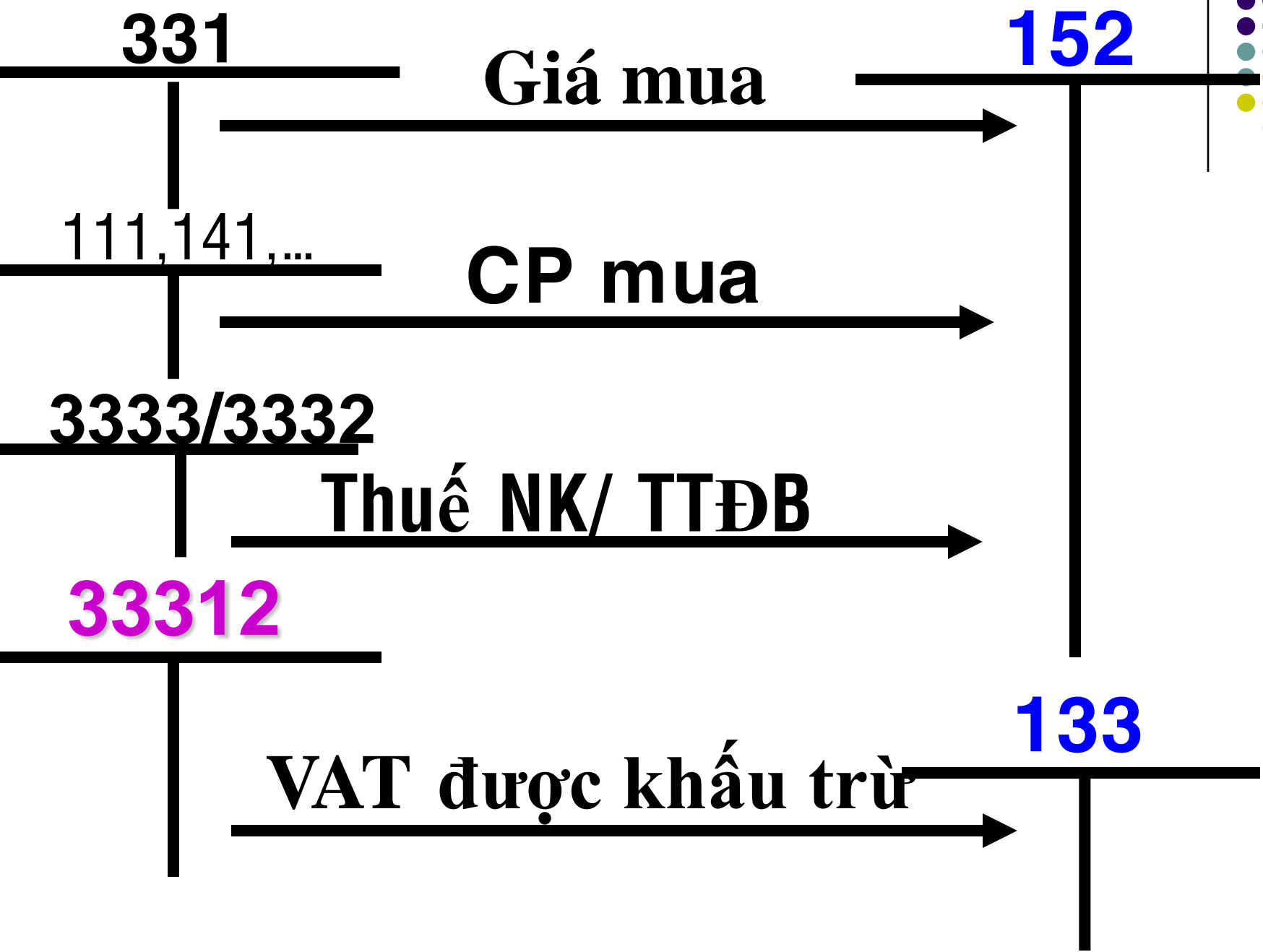
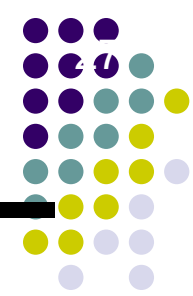


- **Ví dụ 1: Mua vật liệu:**

Mua 1000kg vật liệu A (PThức nhận hàng trực tiếp), giá mua chưa thuế 100.000đ/kg, thuế suất GTGT 10%, tiền chưa trả người bán. Chi phí vận chuyển bốc dỡ 2.200.000đ trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 200.000đ



**NHẬP KHẨU NGUYÊN VẬT LIỆU**





## TH hàng mua đang đi đường:

Trong tháng chỉ mới nhận được hóa đơn → lưu HĐ

Đến cuối tháng vật tư chưa về hoặc đã về đến DN nhưng đang chờ kiểm nhận → 151

112, 141, 331...

151, 133

15\*

Cuối tháng dựa  
vào HĐ

Tháng sau, khi  
hàng về kho



## Ghi chú:

- ❖ Các khoản chiết khấu thương mại (phần ngoài Hóa đơn), và giảm giá hàng mua được trừ khỏi giá gốc.
- ❖ CP bảo quản HTK không được tính vào Giá gốc trừ trường hợp CP bảo quản này cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo.



## Chiết khấu thương mại:

- ❖ Là khoản tiền bên bán giảm giá niêm yết cho Doanh nghiệp do mua hàng nhiều lần và đạt được mức nhất định để được hưởng chiết khấu.



## Ví dụ 2:

**Ngày 5:** Mua một lô vật liệu, giá mua chưa thuế 7 trđ, VAT 10%, chưa trả tiền

**Ngày 7:** Chi tiền mặt trả chi phí vận chuyển lô vật liệu trên 100.000 đ

Vật liệu nhập kho đủ.

Vài ngày sau, DN thấy một số vật liệu kém phẩm chất, đơn vị yêu cầu giảm giá. Bên bán đồng ý giảm 10% giá trị lô hàng, có giảm thuế.



# ★ Kế toán thuê ngoài gia công



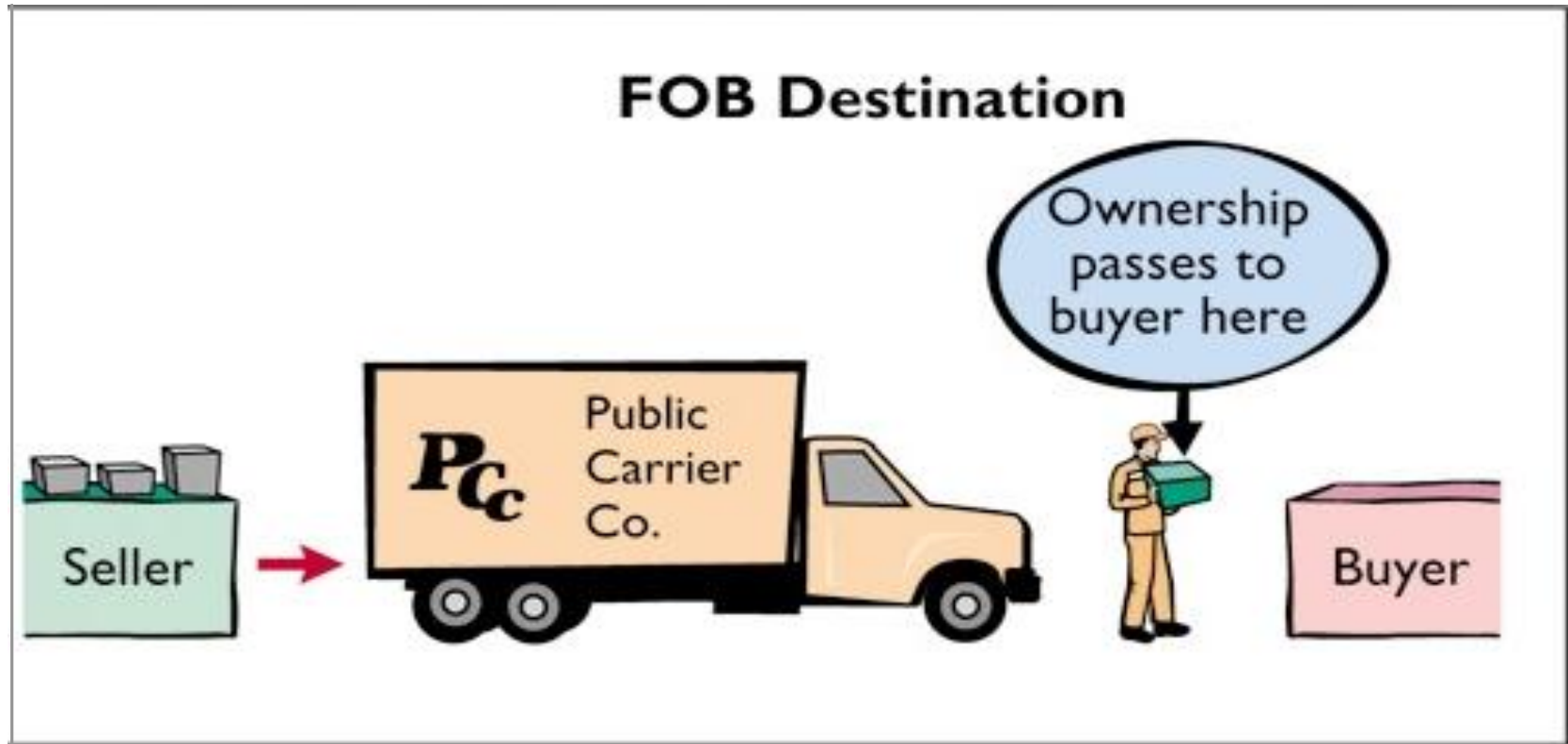


# TH nhập kho có phát sinh thiếu:





## TH hàng thiếu thuộc trách nhiệm bên bán:





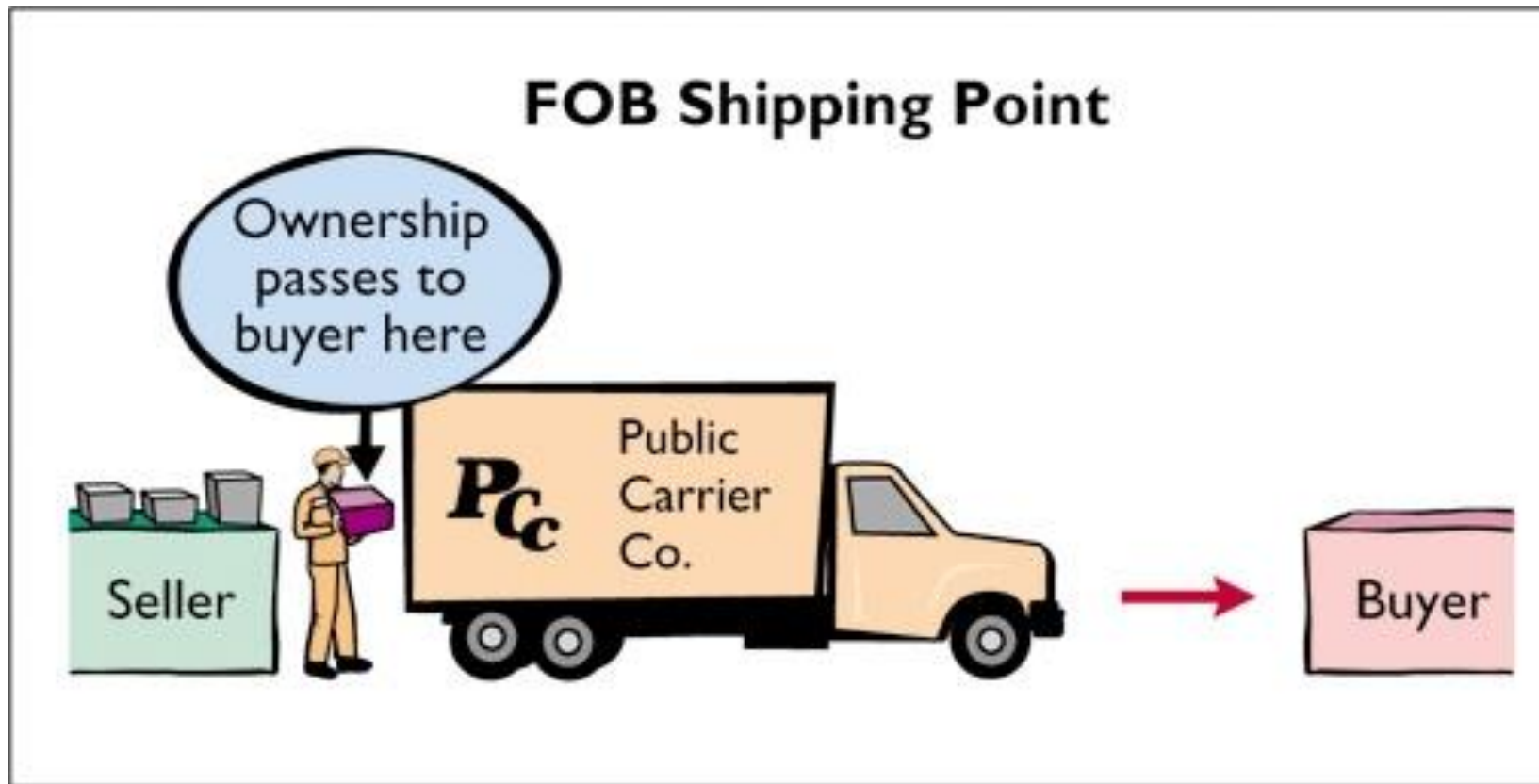
### Ví dụ 3:

DN ký HĐ mua vật liệu của công ty ABC theo phương thức chuyển hàng, trị giá chưa thuế GTGT là 100.000.000đ, VAT 10%. Hàng do công ty ABC chuyển đến thiếu 10%, DN nhập kho và chấp nhận thanh toán theo số thực nhận.

Trị giá hàng thực mua:	90
Thuế GTGT :	<u>9</u>
Tổng giá thanh toán :	99



# TH hàng thiếu thuộc về trách nhiệm bên mua:





**112,141,331...**

**15\***

Giá trị hàng thực nhập

**133**

Thuế đầu vào (HĐ)

**1381**

Giá trị hàng thiếu



## Xử lý hàng thiếu:

1381

15\*

Hao hụt trong định mức

632

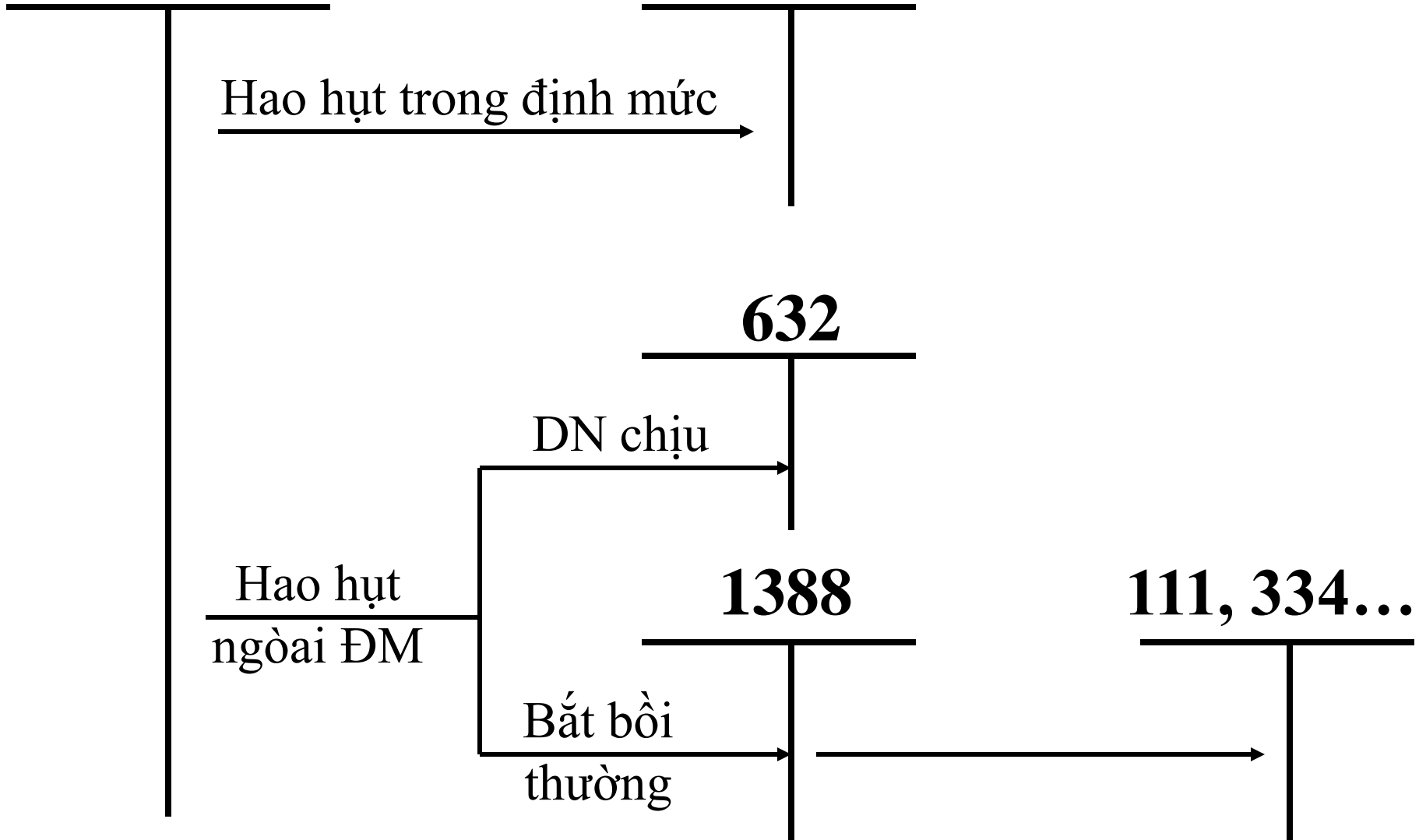
DN chịu

Hao hụt  
ngoài ĐM

1388

Bất bồi  
thường

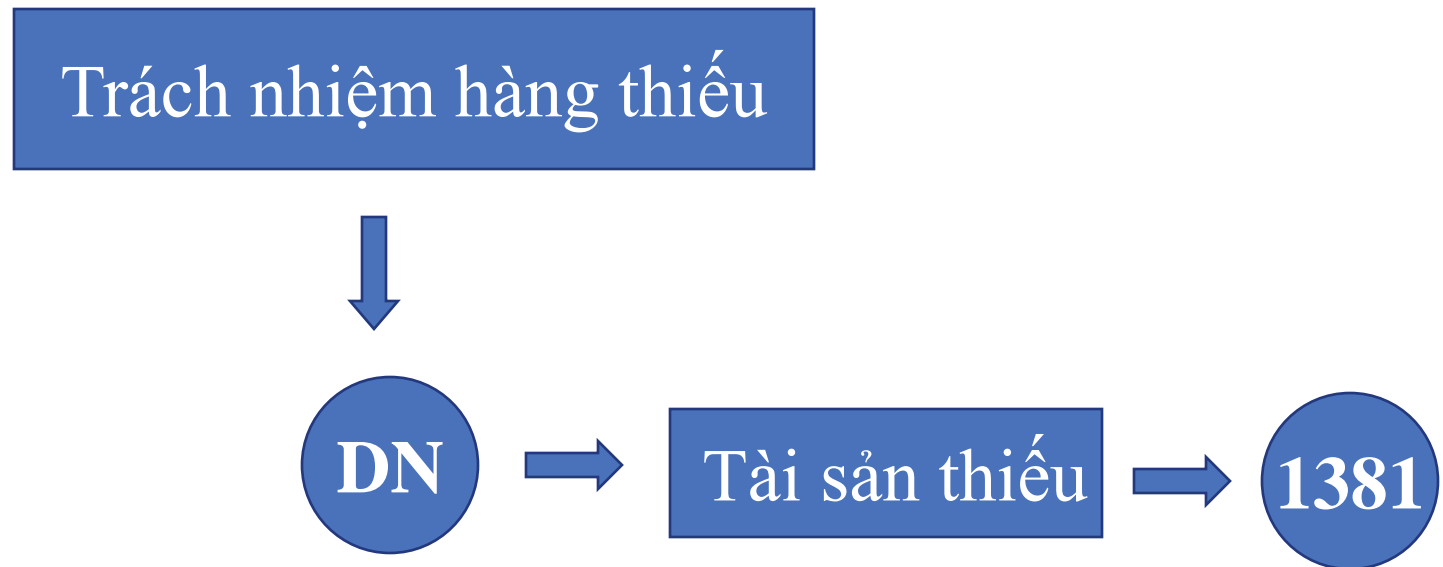
111, 334...





## Ví dụ 4:

Giả sử lô vật liệu trên đã mua của công ty ABC là theo phương thức nhận hàng, khi hàng về kiểm nghiệm trước khi nhập kho thì mới phát hiện thiếu.





PNK

Trị giá thực nhập:

90

Hóa đơn

Giá mua:

Thuế:

Giá thanh toán:

100

10

110

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	SPS	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Mua VL nhập kho			
		TK NVL	152		
		TK tài sản thiếu chờ XL	138		
		Thuế đầu vào	133		
		Phải trả người bán	331		



- **Ví dụ 5:Mua VL có phát sinh thừa, thiếu:**

Mua 1000kg vật liệu A (PThức nhận hàng trực tiếp), giá mua chưa thuế 100.000đ/kg, thuế suất GTGT 10%, tiền chưa trả người bán. Khi nhập kho VL thấy thiếu 5kg chưa rõ nguyên nhân.



## Ví dụ 6:

**Ngày 11:** Đơn vị mua vật liệu theo phương thức nhận hàng trực tiếp tại kho công ty A với giá trị chưa thuế theo hóa đơn:  $500 \times 9.500 \text{ đ/đv}$ , VAT 10%, chưa trả tiền.

**Ngày 13:** Vật liệu về kiểm nhận nhập kho với sản lượng trên phiếu nhập kho 450 đơn vị. Chi phí vận chuyển 200.000đ chi bằng tiền mặt

**Ngày 19:** Công ty B chuyển đến kho DN một lô vật liệu với trị giá chưa thuế  $800 \text{ đv} \times 9.650 \text{ đ/đv}$ , VAT 10%. Hàng nhập kho phát hiện thiếu 100 đv, DN nhập theo số thực nhận, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

**Ngày 20:** Chuyển khoản thanh toán cho công ty A.

---



## Ví dụ 7:

**Ngày 01/06:** Mua VLA theo phương thức nhận hàng trực tiếp, đã chấp nhận thanh toán theo hóa đơn.

(HĐ: giá chưa thuế 100 trđ, VAT 10%). Sau khi kiểm nghiệm phát hiện thiếu. DN nhập theo số vật liệu thực nhận trị giá 90 trđ.

**Ngày 05/06:** Quyết định xử lý như sau:

- Bắt áp tải bồi thường 50%.
  - Phần còn lại DN chịu.
-



## Trường hợp vật tư thừa:

- Thừa chưa rõ nguyên nhân, cho nhập kho:

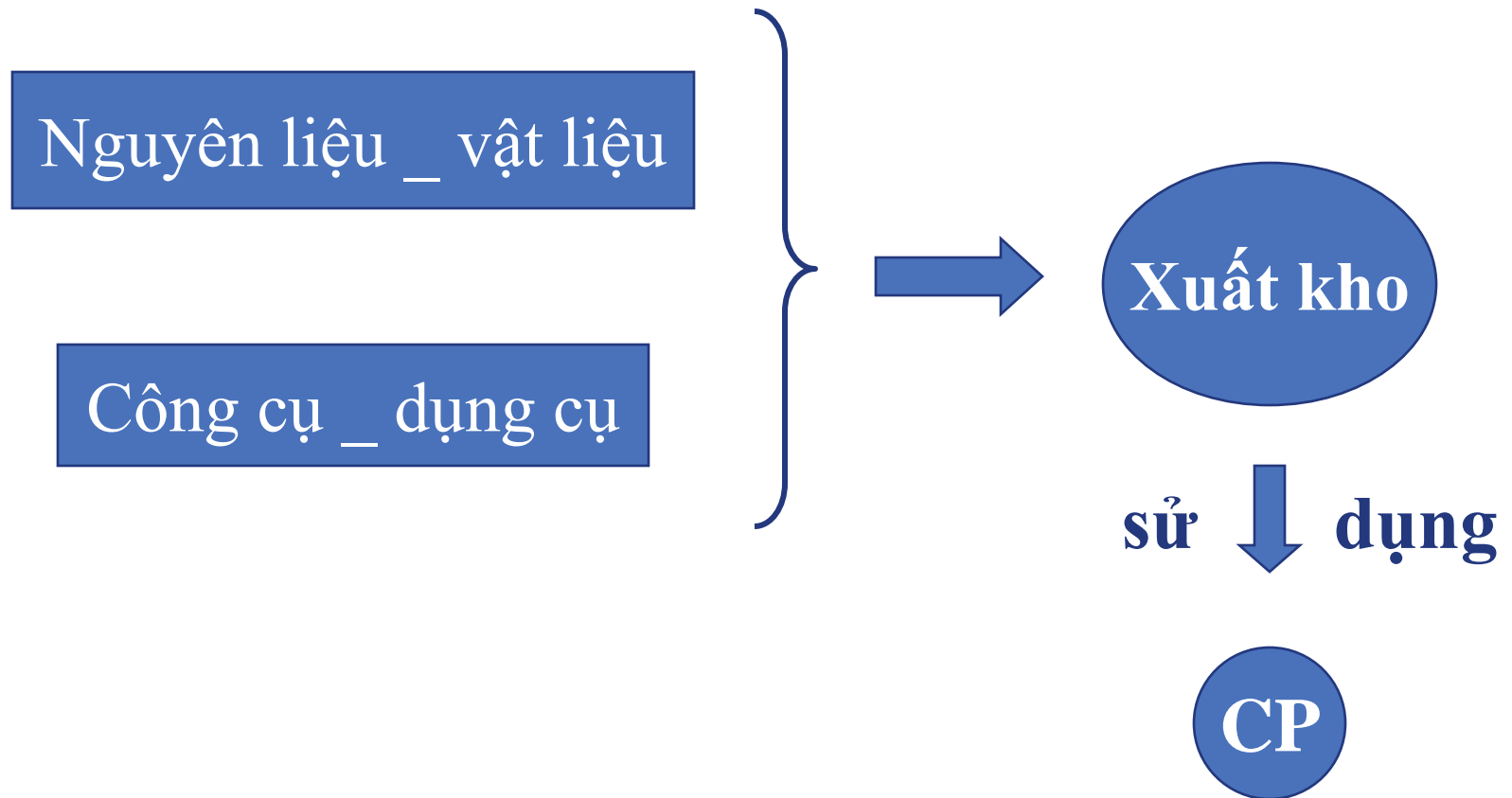
**Nợ TK 15\* / Có TK 3381**

- Thừa do bên bán giao nhầm:

<b>Nếu DN chấp nhận mua thêm</b>	<b>Nếu DN không chấp nhận mua thêm</b>
<p>Nợ 15* : giá trị vật tư thừa</p> <p>Nợ 133 :</p> <p>Có 331</p>	<p>Nhận giữ hộ:</p> <p>Nợ 002: giá trị vật tư thừa</p> <p>Khi trả lại :</p> <p>Có 002: giá trị vật tư thừa</p>



# Các trường hợp giảm vật tư:





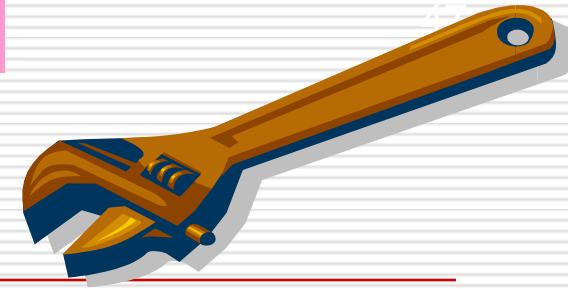
## Ví dụ 8:

Báo cáo tình hình xuất vật liệu X như sau:

- Để sản xuất sản phẩm M: 120.000.000 → 621 (M)
- Để sản xuất sản phẩm N : 150.000.000 → 621 (N)
- Xuất phục vụ BP bán hàng: 10.000.000 → 641



# Kế toán công cụ dụng cụ



## ➤ Phân loại CCDC:

- Theo đặc điểm của CCDC
- Theo tình hình sử dụng
- Theo tính chất phân bổ giá trị CCDC
  - ✓ Loại phân bổ 1 lần (phân bổ 100% giá trị)
  - ✓ Loại phân bổ nhiều lần (phân bổ dần giá trị)

**Nhập CCDC (tương tự NVL)**



# Kế toán công cụ dụng cụ

## Xuất CCDC ra sử dụng

Công cụ thuộc loại phân bổ 1 lần:





## Công cụ thuộc loại phân bổ nhiều lần:

153/331,...

142/242

627,641,642

GTT CC  
DC loại  
phân bổ  
dần (1)

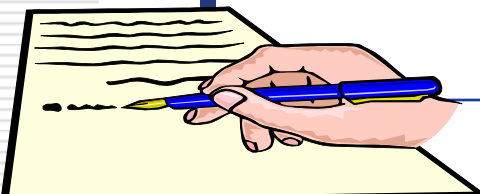
(2) Ph/bổ  
từng kỳ KT

(3) Ph/bổ  
lần cuối

CP kỳ  
cuối

152,1388

PL, bồi thường





## Công cụ thuộc loại phân bổ nhiều lần

$$\text{Mức phân bổ từng kỳ} = \frac{\text{Tổng giá trị CCDC xuất dùng}}{\text{Số kỳ dự kiến phân bổ}}$$

Mức phân bổ lần cuối cùng =

Giá trị còn lại của công cụ chờ phân bổ

–

GT Phế liệu thu hồi (nếu có)

–

Khoản bắt bồi thường (nếu có)



## Ví dụ 9:

Xuất công cụ cho px I trị giá 500.000 đ, phân bổ 1 lần.





## Ví dụ 10:

Xuất kho công cụ cho cửa hàng giới thiệu sản phẩm trị giá 240.000.000đ, thời gian phân bổ 2 năm, bắt đầu từ tháng này.



## Ví dụ 11

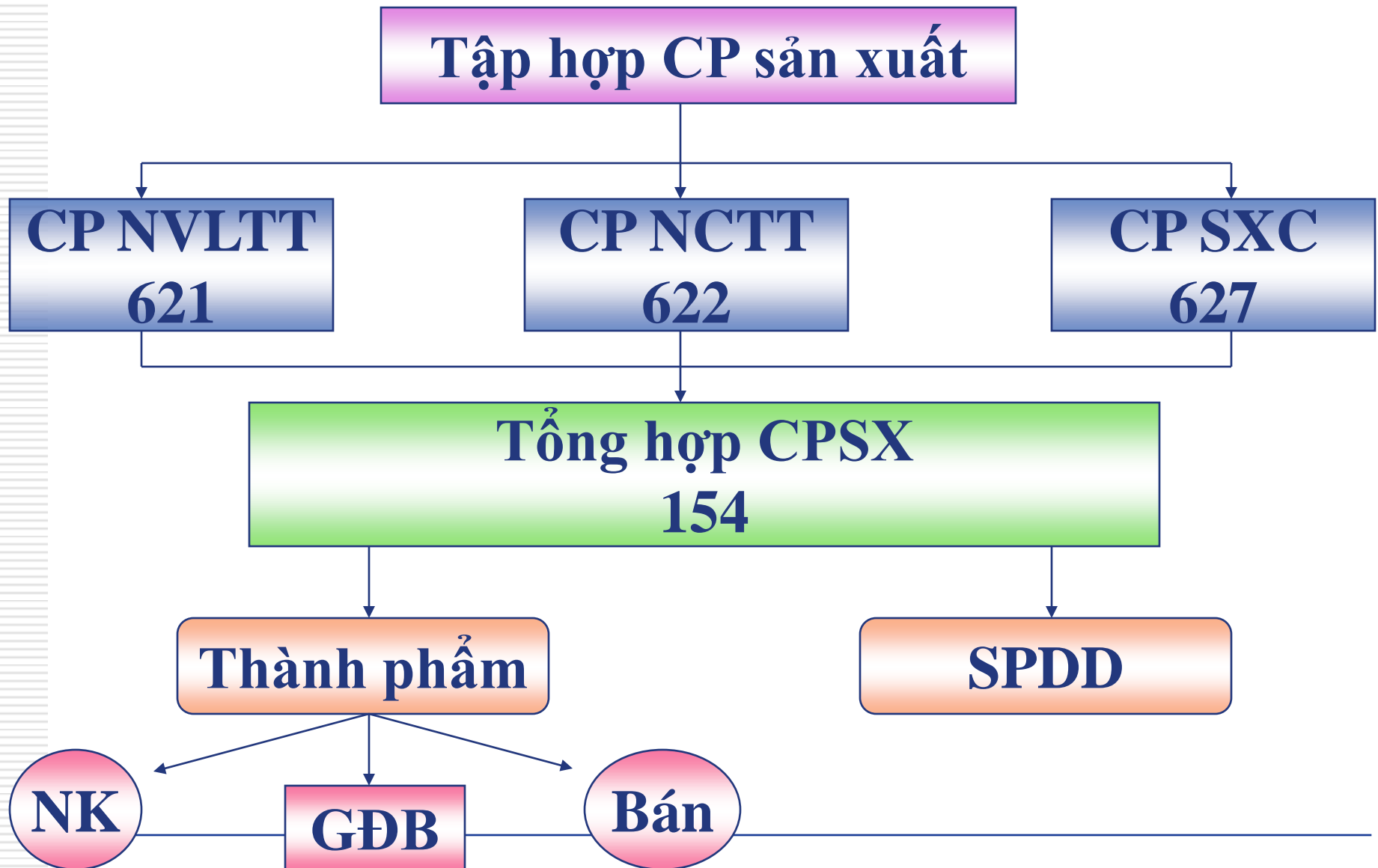
**Ngày 01:** Xuất kho 1 số công cụ cho bộ phận sản xuất thuộc loại phân bổ 1 lần, trị giá 2.000.000đ

**Ngày 05:** Chi tiền mặt mua đồ dùng quản lý ở phân xưởng 10.500.000đ (gồm thuế 5%), sử dụng ngay.  
Kế toán phân bổ 10 tháng

**Ngày 10:** Bộ phận sản xuất báo hỏng một số công cụ thuộc loại phân bổ 2 lần, giá trị công cụ xuất kho 500.000đ, phế liệu thu hồi nhập kho 50.000đ.

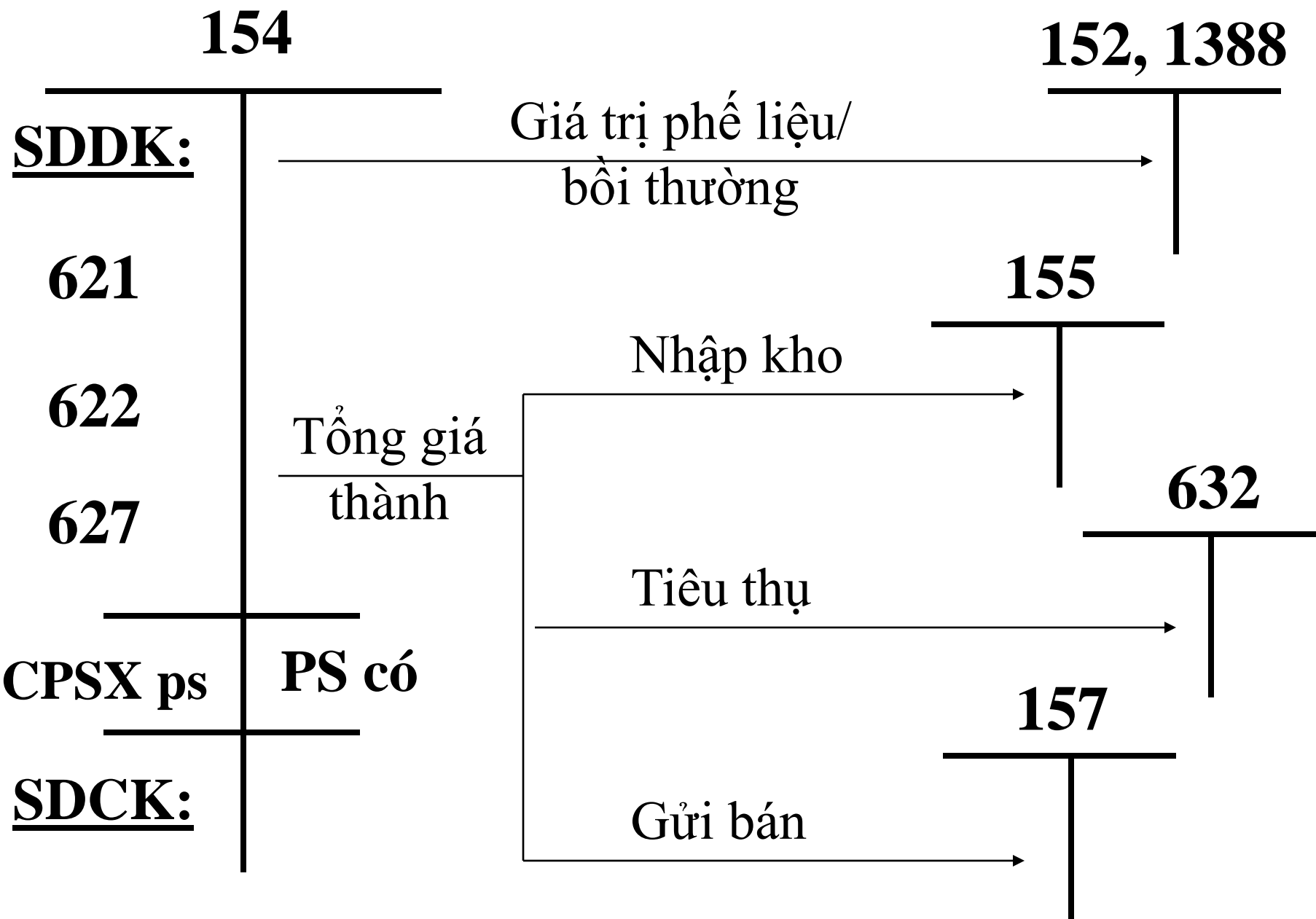


# Kế toán khâu sản xuất:





♦KT TH CPSX & tính giá thành SP (KKTX)





HTK để bán

Thành phẩm

Hàng hoá





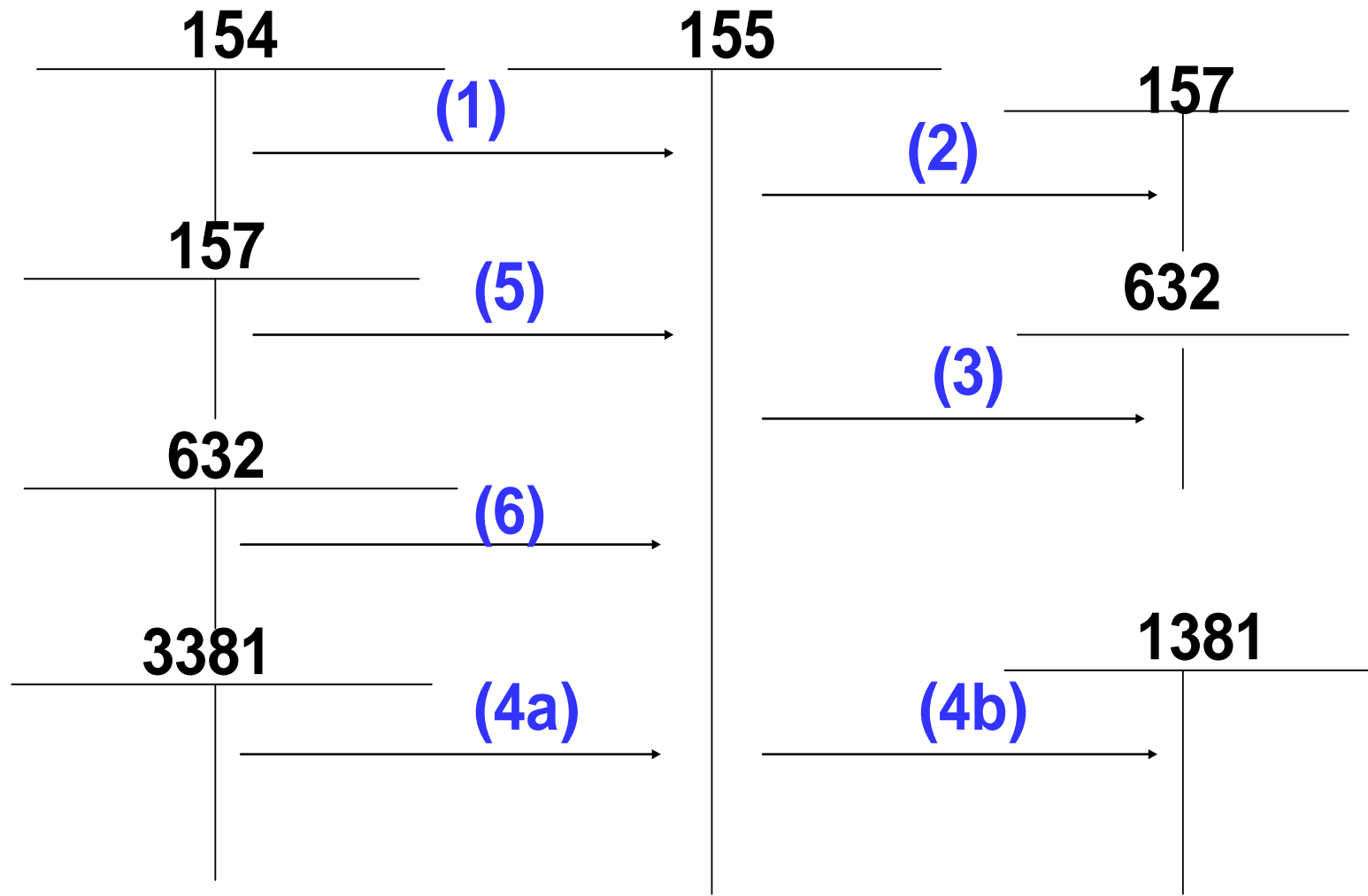
## ❑ Kế toán thành phẩm

Thành phẩm là những SP đã hoàn thành, đã trải qua tất cả các đoạn chế biến cần thiết theo quy trình công nghệ chế tạo SP của mỗi DN, đã được kiểm nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật quy định, từ đó có thể nhập kho để chuẩn bị bán ra hay giao ngay cho khách hàng.





# ❑ Kế toán thành phẩm theo PP KKTX





# Kế toán hàng hóa:



## Hàng hóa

- Là sản phẩm lao động được DN mua về với mục đích để bán.

Trạng thái  
tồn tại

Hàng tồn kho

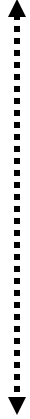
Hàng mua đang đi đường

Hàng gửi đi bán

Hàng gửi gia công chế biến



**Hàng hóa**



**156**

**1561**

**Giá mua  
hàng hóa**

**1562**

**CP thu mua**

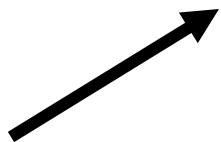
Là CP liên quan trực tiếp đến qt thu mua hàng hóa tính đến khi hàng hóa nhập kho



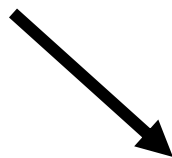
# KT tăng, giảm hàng hóa (PP KKTX)

## Tk 1561- Giá mua HH

SDĐK

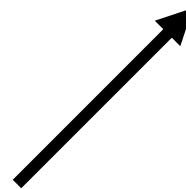


SDCK



## Tk 1562- CP thu mua HH

SDĐK



SDCK



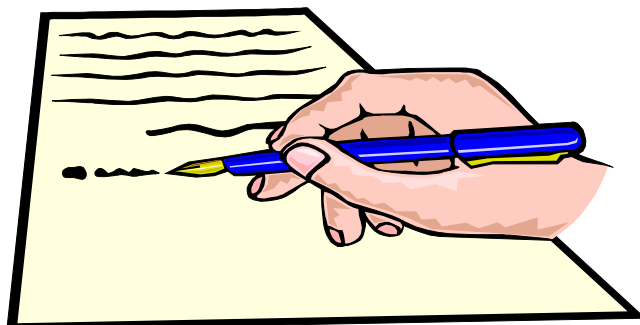
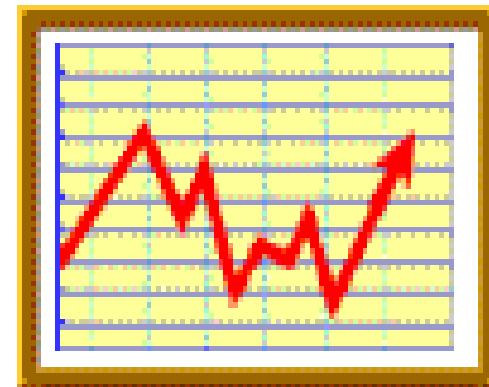
Phân bổ<sup>2</sup>  
CPTM cho  
hàng bán  
ra



# ❑ Kế toán dự phòng giảm giá HTK

DPPGG HTK là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

- Mục đích
- Thời gian lập
- Nguyên tắc lập DP





**Thời điểm lập:**

Cuối kỳ kế toán, trước  
khi lập BCTC năm

**Mức lập**

**=**

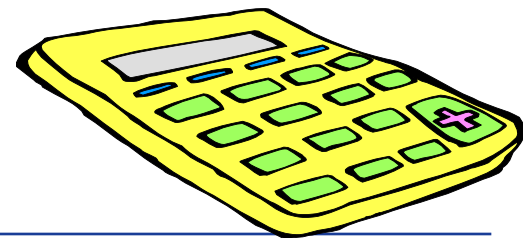
**Giá gốc  
HTK**

**-**

**Giá trị thuần  
có thể  
thực hiện được**



## Chênh lệch hoàn nhập DP





# Trình bày thông tin trên BCTC

**Giá trị thuần** có thể thực hiện được

**Bảng Cân Đối Kế Toán**

Cung cấp thông tin gì cho người sd ?





# Thông tin về HTK trên BCTC



**TK 151**

**TK 152**

**TK 153**

**TK 154**

**TK 155**

**TK 156**

**TK 157**

**TK 159**

**HTK**

**DPGGHTK**

**BCĐKT**

Hàng đã bán => **TK 632**

**BCKQHĐKD**



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	MS	Số Cuối năm	Số đầu năm
1	2	4	5
<b>A – TS NGẮN HẠN</b> <b>IV. Hàng tồn kho</b> 1. Hàng tồn kho 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			

Giá trị thuần  
có thể thực hiện được

Số Cái

**Giá trị hàng tồn kho vào thời điểm cuối kỳ của DN**

(151, 152, 153, 154, 155, 156, 157)